

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 12 năm 2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1997,

ĐKHKT: khu 5, xã T, Huyện N, tỉnh P.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1991,

ĐKHKT: khu 5, xã T, Huyện N, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phạm Quốc C, sinh năm 1964,

ĐKHKT: khu 5, xã T, Huyện N, tỉnh P.

(chị B, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: chị và anh Phạm Thanh H tự nguyện đi ký kết hôn với nhau ngày 25/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện N, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên kCên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh H.

Về con chung: chị Nguyễn Thị B xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Duy Đ, sinh ngày 30/4/2015 và cháu Phạm A, sinh ngày 03/9/2017. Hiện nay

cháu Đ và A đang ở cùng với ông nội là ông Phạm Quốc C. Sau khi ly hôn chị B đề nghị Tòa án giao cháu Đ và A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong thời gian anh H ở nước ngoài chị B đề nghị Tòa án tạm giao cháu Đ và A cho ông Phạm Quốc C (bố đẻ anh H) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị B và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ và các nghĩa vụ tài chính khác: chị Nguyễn Thị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: chị Nguyễn Thị B xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Phạm Thanh H hiện nay đang ở nước ngoài được thể hiện tại văn bản số 27761/QLXNC-P3 ngày 23/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: "*Phạm Thanh H, sinh ngày 17/02/1991, đã xuất cảnh ngày 24/5/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*". Do chị B không biết địa chỉ của anh H ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã báo ông Phạm Quốc C (bố đẻ của anh H) và được ông C cung cấp thông tin như sau: ông là bố đẻ của anh H và là bố chồng của chị B. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H gia đình đã nhận được, gia đình có thông báo cho anh H biết thông qua điện thoại và yêu cầu anh H cung cấp địa chỉ của anh ở nước ngoài nhưng anh H không cung cấp và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh H và chị B có 02 con chung là cháu Phạm Duy Đ, sinh ngày 30/4/2015 và cháu Phạm A, sinh ngày 03/9/2017. Chị B đề nghị Tòa án sau khi ly hôn giao cháu Đ và A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông C đã thông báo cho anh H biết về nội dung trên và anh H có nói lại với ông là anh H nhất trí với nguyện vọng về con chung của chị B. Ông C cũng hoàn toàn nhất trí với nguyện vọng về con chung của chị B. Hiện nay anh H đang ở nước ngoài nên ông C đề nghị Tòa án tạm giao cháu Đ và A cho ông được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi nào anh H về nước ông sẽ giao lại cháu Đ và A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian ông C nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ và A ông không yêu cầu anh H, chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: ông C xác định không có gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Phạm Thanh H. Về con chung: giao cháu Phạm Duy Đ và cháu Phạm A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Tạm giao cho ông Phạm Quốc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và A trong thời gian anh H đi lao động ở nước ngoài. Chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B nộp đơn xin ly hôn anh Phạm Thanh H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị B trình bày hiện anh H đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 27761/QLXNC-P3 ngày 23/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: “*Phạm Thanh H, sinh ngày 17/02/1991, đã xuất cảnh ngày 24/5/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này anh H không có mặt ở Việt Nam và chị B đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị B đề nghị xin ly hôn với anh H và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh H tại Việt Nam là khu 5, xã Tiên Du, Huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài cho Tòa án được. Tòa án đã làm việc thông qua thân nhân của anh H là ông Phạm Quốc C (bố đẻ anh H) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh H biết, yêu cầu anh H cung cấp địa chỉ hiện nay nhưng anh H không cung cấp nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở đâu tại nước ngoài. Như vậy, anh H đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Chị B, ông C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh H, ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Du, Huyện Phù Ninh, tỉnh P vào ngày 25/11/2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị B và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên kềm ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng chị B và anh H đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị B được chấp nhận.

- Về con chung: chị B và anh H có 02 con chung là cháu Phạm Duy Đ, sinh ngày 30/4/2015 và cháu Phạm A, sinh ngày 03/9/2017. Hiện nay cháu Đ và A đang ở cùng ông nội là ông Phạm Quốc C. Sau khi ly hôn chị B đề nghị Tòa án giao cháu Đ và A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong thời gian anh H ở nước ngoài chị B đề nghị Tòa án tạm giao cháu Đ và A cho ông C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Đ thể hiện cháu Đ có

mong muốn được sống cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của chị B là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với nguyện vọng con chung. Do vậy, cần giao cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và A sau khi anh chị ly hôn. Trong thời gian anh H ở nước ngoài thì ông C vẫn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và A đến khi anh H trở về Việt Nam là phù hợp. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Phạm Thanh H.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: giao cho anh Phạm Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Duy Đ, sinh ngày 30/4/2015 và cháu Phạm A, sinh ngày 03/9/2017 cho đến khi các con chung thành niên. Tạm giao cháu Đ và cháu A cho ông Phạm Quốc C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh H ở nước ngoài đến khi anh H về nước sẽ bàn giao lại cháu Đ và A cho anh H nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Chị Nguyễn Thị B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000030 ngày 25/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Nguyễn Thị B, ông Phạm Quốc C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Phạm Thanh H là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Ngọc Tuấn